

Số: /TB-TTYT

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu báo giá sinh phẩm y tế

Trung Tâm Y tế Huyện Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp sinh phẩm y tế năm 2024 của Trung Tâm Y tế Huyện Thanh Hoá, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **Trung tâm Y tế Huyện Thanh Hóa**

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Phùng Tấn Tài, Trưởng Khoa dược –TTB-VTTYT,

Điện Thoại: 0908136400:

Mail: dstailongan@gmail.com .

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: *theo một trong các cách thức sau:*

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Thanh Hóa, Tỉnh, Long An.

- Nhận qua email: dstailongan@gmail.com

- Nhận qua Fax: 02723.857.499

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 1 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 10 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2023 đến ngày 1 tháng 11 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục sinh phẩm y tế :

STT	Danh mục(hoặc tương đương)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	AMP strip	Phát hiện chất gây nghiện Amphetamin trong nước tiểu. _ Ngưỡng phát hiện 1000 ng/mL. _ Độ nhạy 99.98%, độ đặc hiệu 99,95%. Dạng strip kích thước 3.5mm. Đóng gói 50 test/hộp.	750	Test
2	MET Dipstick (Methamphetamines)	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Methamphetamine (Ma túy đá) trong nước tiểu. Độ nhạy 99,97%, Độ đặc hiệu 99,95%. Dạng strip kích thước 3.5 mm. Đóng gói 50 test/hộp. Nồng độ giới hạn 1000 ng/mL. Bảo quản ở 2-30 độ C. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO	750	Test
3	THC strip	Phát hiện chất gây nghiện cần sa/bò đê (THC) trong nước tiểu. Nồng độ giới hạn 50 ng/mL Dạng strip kích thước 3.5mm. Độ nhạy 99,98 %, Độ đặc hiệu 99,95 %. Đóng gói 50 test/hộp hoặc theo tiêu chuẩn của nhà SX. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO	750	Test
4	Morphin 5mm	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Morphin trong nước tiểu. Nồng độ giới hạn 300 ng/mL. Dạng Strip kích thước 3.5mm. Độ nhạy 99.98 %, độ đặc hiệu 99,95%. Quy cách 50 test/ hộp. Bảo quản ở 2-30 độ C. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO, CFS	750	Test
5	Test HBsAb	Test chuẩn đoán định tính phát hiện kháng thể bề mặt virus viêm gan siêu vi B (HBsAb) bằng phương pháp sắc ký miễn dịch; sử dụng mẫu Huyết thanh/Huyết tương. _ Độ nhạy 99.89 %. Độ đặc hiệu 99.90 %. Thành phần : kháng nguyên cộng hợp vàng, màng nitrocellulose. _ Ngưỡng phát hiện 20 mIU/ml. Thời gian 10 phút, xác nhận âm tính sau 20 phút. _ Dạng strip kích thước 3.5mm. Đóng gói riêng từng test. Bảo quản ở 2-30 độ C. Có	250	Test

		COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO, CFS		
6	Test xét nghiệm HbsAg	Test chuẩn đoán định tính kháng nguyên virus viêm gan B (HBsAg). Sử dụng mẫu Huyết thanh/Huyết tương. Độ nhạy: 99.82%. Độ đặc hiệu: 99.89 %. độ chính xác: 99.86%. Thành phần : khay xét nghiệm và ống nhỏ mẫu, sử dụng kháng thể đơn dòng, cộng hợp keo vàng, màng nitrocellulose,	1.000	Test Test Test
7	Test xét nghiệm HCV	Test xét nghiệm phát hiện sự hiện diện của kháng thể viêm gan C trên mẫu huyết thanh/huyết tương. Thời gian 10 phút. Độ nhạy: 99.76 %. Độ đặc hiệu: 99,62 %. Thành phần : khay xét nghiệm và dropper, sử dụng kháng nguyên đặc hiệu HCV, cộng hợp keo vàng, màng nitrocellulose.	250	Test
8	Test xét nghiệm Helicobacter Pylory	Phát hiện định tính kháng thể kháng HP trong huyết thanh và huyết tương. Thời gian 10 phút. Độ nhạy: 99.96%. Độ đặc hiệu: 99.94 %. Độ chính xác: 99.95%. Thành phần : Khay xét nghiệm và dropper, sử dụng kháng nguyên đặc hiệu, cộng hợp keo vàng, màng nitrocellulose.	250	Test
9	Latex PCR/CRP Direct Lateex	Kiểm tra xác định protein phản ứng C trong mẫu huyết thanh bằng kỹ thuật ngưng kết latex. Đọc kết quả 3 phút Hạt Latex được phủ IgG có nguồn gốc từ dê. Giới hạn phát hiện 6mg/L. Độ nhạy: 99,94 %. Độ đặc hiệu: 99,91 %. Các chất không ảnh hưởng đến xét nghiệm : Hemoglobin (10g/L), bilirubin (20 mg/dL), lipemia(10 g/L) Thành phần : - lọ Latex reagent 5 mL - lọ chứng dương 0.5 mL - lọ chứng âm 0.5 mL - 1 Glass slide - 100 Disposable stirrers Bảo quản ở nhiệt độ từ + 2°C đến 8°C Tiêu chuẩn ISO, CFS.	200	Test

10	Troponin I - Check-I	Troponin I xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh trong máu toàn phần, mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. _ Độ nhạy: 99,87 %. Độ đặc hiệu: 99,75%. Nguưỡng phát hiện 1ng / mL. Thời gian ủ 15-20 phút. _ Thành phần : sử dụng kháng thể đơn dòng có đánh dấu nhuộm và kháng thể đa dòng trên pha rắn; khay thử; dung dịch pha loãng; pipet dùng một lần. _ Các chất không ảnh hưởng đến xét nghiệm : RF, CRP, HAMA tuýp 1 và tuýp 2, haemoglobin (<5g/L), bilirubin (< 0.3 g/L), triglycerides (<30g/L) . Không phản ứng chéo với troponin I của cơ xương. _ Không bị ảnh hưởng bởi các chất chống đông như citrate, EDTA, heparin. _ Loại cassette kích thước 6mm. Bảo quản 4°C - 30°C. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn CFS, ISO.	200	Test
11	HIV 1/2 Human Immunodeficiency Virus Rapid Test	Test chẩn đoán định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2. Độ nhạy 99,87 %. Độ đặc hiệu: 99. 94%. Loại cassette kích thước 4.5mm. Đo được cho các mẫu bệnh phẩm là Huyết tương/Huyết thanh. Đóng gói riêng từng test, bảo quản ở 2-30 độ C. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO	800	Test
12	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus sốt xuất huyết	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4 trên mẫu huyết thanh, huyết tương. _ Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. _ Độ nhạy 99,91 %, Độ đặc hiệu 99,93 % . _ Thành phần : khay cassette, kháng nguyên đặc hiệu, cộng hợp keo vàng và màng nitrocellulose.	250	Test
13	Phát hiện kháng nguyên của virus Dengue NS1 (sốt xuất huyết) trong	Phát hiện kháng nguyên của virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương. _ Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính với nhóm flavivirus khác (bao	250	Test

	mẫu huyết thanh, huyết tương.	gồm viêm não Nhật Bản, sốt vàng da), các mầm bệnh gây sốt khác. _ Độ nhạy 99.95%. Độ đặc hiệu 99.93 %. _ Thành phần : khay cassette, kháng nguyên đặc hiệu, cộng hợp keo vàng và màng nitrocellulose. _ Ngưỡng phát hiện khoảng 1,0 ng/ml. _ Bảo quản ở 2-30°C. Dạng Cassette kích thước 4.5mm. Đóng gói hộp 25 test. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn ISO, CFS.		
14	Test HAV	Khay thử nhanh IgM HAV là xét nghiệm dựa trên phương pháp sắc ký miễn dịch để định tính nhanh chóng kháng thể IgM với virus viêm gan A (HAV) có trong mẫu máu toàn phần/ huyết thanh/ huyết tương. Chỉ dùng trong chẩn đoán in vitro. Độ nhạy: 95.7%. Độ đặc hiệu: 99.1 %, độ chính xác 98.6%. Thành phần: Khay thử, ống nhỏ giọt, dung dịch đệm, túi chứa khay thử.	200	Test
15	Test giang mai	Test nhanh chẩn đoán giang mai Treponema pallidum (TP) trên mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. _ Độ nhạy: 99.93 %. Độ đặc hiệu: 99.95%. Thời gian ủ 10-15 phút. _ Thành phần : anti-human immunoglobulins cộng hợp chất nhuộm và protein tái tổ hợp TP đặc hiệu với kháng thể giang mai; test gồm khay thử, dung dịch pha loãng chứa đệm muối, dung dịch rửa, sodium azide (<1%), pipet dùng một lần. _ Các chất không ảnh hưởng xét nghiệm : rheumatoid factor (RF), anti-animal heterophile antibodies (HAMA), Albumin (1000 mg/dL), Total bilirubin (40 mg/dL), Total cholesterol (400 mg/dL), Gamma-globulins (5000 mg/dL), Hemoglobin (1000 mg/dL), Triglycerides (3000 mg/dL) _ Không có phản ứng chéo với các mẫu dương tính RF, EBV (Epstein-Barr), HAV (Hépatite A), ANA.	200	Test

		Bảo quản ở 4-30°C. Dạng cassette kích thước 6mm. Có COA từ nhà sản xuất. Tiêu chuẩn CFS, ISO		
16	Anti A	Test xét nghiệm Anti-A Monoclonal Reagent vedalab	8	lọ 10ml
17	Anti B	Test xét nghiệm Anti-B Monoclonal Reagent vedalab	8	lọ 10ml

17 Khoảng

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

Trung tâm Y tế Huyện Thanh Hóa- Khoa Dược –TTB-VTYT

Khu phố 3, thị trấn Thanh Hóa, Huyện Thanh Hóa, Tỉnh, Long An

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV/2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không

Trân trọng kính chào./

Nơi nhận:

- Các hãng sản xuất, nhà cung cấp;

- Lưu: VT, K.Dược.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thanh